

I. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐẤT ĐƠN GIẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Số:/HĐCNQSDD,TSGLĐ)

Hôm nay, ngày tháng năm, Tại:

Chúng tôi gồm có:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG (BÊN A):

Ông/bà: Năm sinh:

CMND số: Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Hộ khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Và

Ông/bà: Năm sinh:

CMND số: Ngày cấp Nơi cấp

Hộ khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Là chủ sở hữu bất động sản:

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG (BÊN B):

Ông/bà: Năm sinh:

CMND số: Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Hộ khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Và

Ông/bà:Năm sinh:

CMND số:Ngày cấp..... Nơi cấp

Hộ khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hai bên đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các thoả thuận sau đây:

ĐIỀU 1: QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CHUYỂN NHƯỢNG

1.1. Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo cụ thể như sau:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Địa chỉ thửa đất:

- Diện tích:m2 (Bằng chữ:.....)

- Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng:m2

+ Sử dụng chung:m2

- Mục đích sử dụng:

- Thời hạn sử dụng:

- Nguồn gốc sử dụng:

Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):

2.2. Tài sản gắn liền với đất

là:

.....

.....

Giấy tờ về quyền sở hữu tài sản

có:

.....
.....

ĐIỀU 2: GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:đồng.

(Bằng chữ:đồng Việt Nam).

2.2. Phương thức thanh

toán:

2.3. Việc thanh toán số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 3: VIỆC ĐĂNG KÝ TẶNG CHO QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT VÀ LỆ PHÍ

3.1. Việc đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

3.2. Lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 4: VIỆC GIAO VÀ ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

4.1. Bên A có nghĩa vụ giao thửa đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng với giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bên B vào thời điểm

4.2. Bên B có nghĩa vụ thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất, đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM NỘP THUẾ, LỆ PHÍ

Thuế, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do bên chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

6.1. Nghĩa vụ của bên A:

a) Chuyển giao đất, tài sản gắn liền với đất cho bên B đủ diện tích, đúng hạng đất, loại đất, vị trí, số hiệu, tình trạng đất và tài sản gắn liền với đất như đã thoả thuận;

b) Giao giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bên B.

6.2. Quyền của bên A:

Bên A có quyền được nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; trường hợp bên B chậm trả tiền thì bên A có quyền:

a) Gia hạn để bên B hoàn thành nghĩa vụ; nếu quá thời hạn này mà nghĩa vụ vẫn chưa được hoàn thành thì theo yêu cầu của bên A, bên B vẫn phải thực hiện nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại;

b) Bên B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

7.1. Nghĩa vụ của bên B:

a) Trả đủ tiền, đúng thời hạn và đúng phương thức đã thoả thuận cho bên A;

b) Đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Bảo đảm quyền của người thứ ba đối với đất chuyển nhượng;

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

7.2. Quyền của bên B:

a) Yêu cầu bên A giao cho mình giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất;

b) Yêu cầu bên A giao đất đủ diện tích, đúng hạng đất, loại đất, vị trí, số hiệu, tình trạng đất và tài sản gắn liền với đất như đã thoả thuận;

c) Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng;

d) Được sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo đúng mục đích, đúng thời hạn.

ĐIỀU 8: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

9.1. Bên A cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân, về thửa đất và tài sản gắn liền với đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Thửa đất thuộc trường hợp được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- c) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - Thửa đất và tài sản gắn liền với đất không có tranh chấp;
 - Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- d) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- e) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

9.2. Bên B cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

10.1. Hai bên hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình được thỏa thuận trong hợp đồng này.

10.2. Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

10.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Hợp đồng được lập thành (.....) bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị như nhau.

BÊN A

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

BÊN B

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày tháng năm ,
tại:

Tôi , Công chứng viên phòng Công chứng số tỉnh (thành
phố).....

CÔNG CHỨNG:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được giao kết giữa
bên A là và bên B là; các bên đã tự
nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù
hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật,
không trái đạo đức xã hội;

-

.....
.....

- Hợp đồng này được làm thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,trang),
giao cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

Lưu tại Phòng Công chứng một bản chính.

Số, quyển sốTP/CC-SCC/HĐGD.

CÔNG CHỨNG VIÊN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

II. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN NHÀ ĐẤT CHƯA CÓ SỔ ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Tại địa chỉ:.....)

Số Công chứng: ... Quyền số: ...

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Trụ sở:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG:

Ông, sinh năm: ., CMND số: do Công an ... cấp ngày .. và vợ là bà,sinh năm: ..., CMND số: do Công an cấp ngày ... Cả hai ông bà cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số,

(Dưới đây trong hợp đồng gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG:

Ông, sinh năm: ., CMND số: do Công an ... cấp ngày .. và vợ là bà,sinh năm: ..., CMND số: do Công an cấp ngày ... Cả hai ông bà cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số,

(Dưới đây trong hợp đồng gọi là Bên B)

Chúng tôi tự nguyện cùng nhau lập và ký bản hợp đồng này để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với những điều khoản đã được hai bên bàn bạc và thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1: QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHUYỂN NHƯỢNG

1.1. Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Bên A theo “Giấy chứng nhận” số:, số vào sổ cấp GCNQSD đất/hồ sơ gốc số: ... do UBND, cấp ngày

1.2. Bằng hợp đồng này, Bên A đồng ý chuyển nhượng cho Bên B toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận nói trên với các đặc điểm sau:

a/ Thừa đất được quyền sử dụng:

– Thừa đất số:

– Tờ bản đồ số:.....

– Địa chỉ thừa đất:

– Diện tích: ... m²(... mét vuông)

– Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: m²(..... mét vuông)

+ Sử dụng chung: m²(.... mét vuông)

– Mục đích sử dụng:...

– Thời hạn sử dụng:...

– Nguồn gốc sử dụng:...

b/ Tài sản gắn liền với đất:

1.3. Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất mà Bên A đã thoả thuận chuyển nhượng cho Bên B như hiện trạng, đồng thời Bên B chấp nhận mọi yêu cầu chuyển dịch theo quy hoạch của Nhà nước (nếu có) sau này đối với diện tích quyền sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng.

ĐIỀU 2: GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên hai bên thoả thuận là đồng(..... đồng) trả bằng tiền Nhà nước Việt Nam hiện hành.

2.2. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt.

2.3. Việc trả và nhận số tiền nói trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 3: VIỆC GIAO VÀ ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Bên A có nghĩa vụ giao thửa đất đúng như hiện trạng nói trên cùng toàn bộ bản chính giấy tờ về quyền sử dụng đất cho Bên B. Việc giao nhận đất và các giấy tờ về quyền sử dụng đất do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3.2. Bên B có nghĩa vụ thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM NỘP THUẾ, LỆ PHÍ

4.1. Thuế, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do Bên chịu trách nhiệm nộp.

4.2. Sau khi ký bản hợp đồng này, Bên có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan thuế để làm thủ tục nộp thuế theo quy định.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 6: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

6.1. Bên A chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

a/ Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b/ Thửa đất thuộc trường hợp được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp luật;

c/ Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

– Quyền sử dụng đất nói trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Bên A, không có tranh chấp khiếu kiện;

– Quyền sử dụng đất không bị ràng buộc dưới bất cứ hình thức nào bởi các việc: Thế chấp, chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, cho thuê, cho mượn hoặc kê khai làm vốn của doanh nghiệp, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án;

– Không bị ràng buộc bởi bất cứ một quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hạn chế quyền của chủ sử dụng đất;

– Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Bên A xuất trình trước công chứng viên tại thời điểm ký hợp đồng này là bản thật và duy nhất.

d/ Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

e/ Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong hợp đồng này;

f/ Không có khiếu nại gì đối với Công chứng viên ký bản Hợp đồng này.

6.2. Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

a/ Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b/ Bên B đã tự xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất đã nêu trong Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

c/ Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

d/ Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong hợp đồng này;

e/ Không có khiếu nại gì đối với Công chứng viên ký bản Hợp đồng này.

6.3. Bên A và Bên B cùng cam đoan:

Đặc điểm về quyền sử dụng đất chuyển nhượng nêu tại Hợp đồng này là đúng với hiện trạng thực tế, nếu có sự khác biệt với thực tế thì Bên A và Bên B phải hoàn toàn chịu rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật, không khiếu nại hay yêu cầu bồi thường gì đối với công chứng viên đã ký bản Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

7.1. Bản Hợp đồng này có hiệu lực ngay sau khi hai bên ký kết và được công chứng. Mọi sửa đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ Hợp đồng này chỉ có giá trị khi được hai bên lập thành văn bản có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện khi

Bên nhận chuyển nhượng chưa đăng ký sang tên quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này.

7.2. Hai bên công nhận đã hiểu rõ những quy định của pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này;

7.3. Hai Bên tự đọc lại/nghe Công chứng viên đọc lại nguyên văn bản Hợp đồng này, cùng chấp thuận toàn bộ các điều khoản của Hợp đồng và không có điều gì vướng mắc. Hai Bên cùng ký tên dưới đây để làm bằng chứng.

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

(Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

(Bên B)

III. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐẤT NÔNG NGHIỆP VIỆT TAY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

....., ngày tháng năm

Chúng tôi gồm có:

Bên A

Ông / Bà:

Ngày sinh: / /

CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

cấp ngày..... / /tại

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Bên B

Ông / Bà:

Ngày sinh: / /

CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

cấp ngày..... / /tại

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Hai bên đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1 - CÁC QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHUYỂN ĐỔI

Bên A nhượng lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho Bên B đối với thửa đất:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:.....

- Địa chỉ thửa đất:

- Diện tích: m² (bằng chữ:))

- Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: m²

+ Sử dụng chung: m²

- Mục đích sử dụng:.....

- Thời hạn sử dụng:.....

- Nguồn gốc sử dụng:.....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số do cấp ngày
...../...../.....,

Giá trị quyền sử dụng đất do hai bên thỏa thuận là:đồng.

(Bằng chữ:đồng Việt Nam).

ĐIỀU 2 - VIỆC GIAO VÀ ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Bên A có nghĩa vụ giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng với giấy tờ về quyền sử dụng đất cho Bên B ngay sau khi Bên A đã được Bên B thanh toán đủ số tiền nêu trên.
2. Các bên chuyển đổi có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất chuyển đổi tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đồng thời Bên A có trách nhiệm hỗ trợ mà không có điều kiện ràng buộc nào để Bên B hoàn thành mọi thủ tục liên quan đến việc đăng ký quyền sử dụng của lô đất trên.

ĐIỀU 3 - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4 - CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
2. Thửa đất thuộc trường hợp được chuyển đổi quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
3. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nhận chuyển đổi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
4. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

4.1. Thửa đất không có tranh chấp;

4.2. Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

5. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
6. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 5 - ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên)

IV. MẪU HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC MUA BÁN ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC

(V/v chuyển nhượng quyền sử dụng đất)

Hôm nay, ngày tháng năm, tại chúng tôi gồm:

Bên đặt cọc (Sau đây gọi tắt là **Bên A**)

Ông:

Sinh năm:

CMND/CCCD số: do cấp ngày

Hộ khẩu thường trú tại:

Bà:

Sinh năm:

CMND/CCCD số: do cấp ngày

Hộ khẩu thường trú tại:

Bên nhận đặt cọc (Sau đây gọi tắt là **Bên B**)

Ông:.....

Sinh năm:

CMND/CCCD số: do cấp ngày

Hộ khẩu thường trú tại:

Bà:

Sinh năm:

CMND/CCCD số: do cấp ngày

Hộ khẩu thường trú tại:

Các bên tự nguyện cùng nhau lập và ký Hợp đồng đặt cọc này để bảo đảm thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các thoả thuận sau đây:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của Hợp đồng này là số tiền đồng (*Bằng chữ* :

.....*đồng chẵn*) mà bên A đặt cọc cho bên B để được nhận chuyển nhượng thửa đất số....., tờ bản đồ sốtại địa

chỉ..... theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số; số vào sổ cấp GCN số do

.....cấp ngày mang

tên.....

Thông tin cụ thể như sau:

- Diện tích đất chuyển nhượng: m² (*Bằng chữ*: mét vuông)

- Thửa đất:..... - Tờ bản đồ:.....

- Địa chỉ thửa đất:

- Mục đích sử dụng:.....m²

- Thời hạn sử dụng:

- Nguồn gốc sử dụng:

Điều 2: Thời hạn đặt cọc và giá chuyển nhượng

2.1. Thời hạn đặt cọc

Thời hạn đặt cọc là: kể từ ngày, hai bên sẽ tới tổ chức công chứng để lập và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2.2. Giá chuyển nhượng

Giá chuyển nhượng thửa đất nêu trên được hai bên thỏa thuận là:.....(*Bằng chữ*:*đồng chẵn*).

Giá chuyển nhượng này cố định trong mọi trường hợp (sẽ thỏa thuận tăng hoặc giảm nếu được bên còn lại đồng ý).

Điều 3: Mức phạt cọc

Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể :

- Nếu Bên A từ chối giao kết và thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì mất số tiền đặt cọc.
- Nếu Bên B từ chối giao kết và thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì trả lại cho Bên A số tiền đặt cọc và chịu phạt cọc với số tiền tương ứng.

Điều 4: Phương thức giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp thì các bên cùng nhau thương lượng, hòa giải giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Cam đoan của các bên

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau:

5.1. Bên A cam đoan

- Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.
- Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối và không bị ép buộc.
- Đã tìm hiểu rõ nguồn gốc nhà đất nhận chuyển nhượng nêu trên.
- Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

5.2. Bên B cam đoan

- Những thông tin về nhân thân, về quyền sử dụng đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.
- Quyền sử dụng đất mà Bên B đã nhận tiền đặt cọc để chuyển nhượng cho Bên A thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Bên B và không là tài sản bảo đảm cho khoản vay của bên B tại Ngân hàng.
- Tính đến thời điểm giao kết hợp đồng này Bên B cam đoan thửa đất nêu trên có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, không có tranh chấp, không nằm trong quy hoạch, chưa nhận tiền đặt cọc hay hứa bán cho bất kỳ ai, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án.
- Bên B cam đoan kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực sẽ không đưa tài sản nêu trên tham gia giao dịch nào dưới bất kỳ hình thức nào.

- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối và không bị ép buộc.
- Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

Điều 6: Điều khoản chung

- Hợp đồng này có hiệu lực ngay sau khi hai bên ký kết.
 - Việc thanh toán tiền, bàn giao giấy tờ, thửa đất phải được lập thành văn bản, có xác nhận của người làm chứng và chữ ký của hai bên.
 - Các bên đã đọc nguyên văn bản Hợp đồng này, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.
- Hợp đồng này gồm tờ, trang và được lập thành bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ bản để thực hiện.
- Các bên ký dưới đây để làm chứng và cùng thực hiện.

BÊN ĐẶT CỌC
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN ĐẶT CỌC
(Ký, ghi rõ họ tên)

V. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA ĐƠN GIẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số:/20.../HĐMB

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;
- Nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày tháng năm , tại

Chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN (Bên A)

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

CMND/Thẻ CCCD số: Nơi cấp: Ngày cấp:

(Giấy ủy quyền số: ... ngày tháng ... năm ... do ... chức vụ ... ký)

BÊN MUA (Bên B)

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

CMND/Thẻ CCCD số: Nơi cấp: Ngày cấp:.....

(Giấy ủy quyền số: ... ngày tháng nămdo ... chức vụ ký).

Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản như sau:

Điều 1: TÊN HÀNG - SỐ LƯỢNG - CHẤT LƯỢNG - GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Số thứ tự	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1.						

2.						
3.						
4.						
...						
Tổng cộng						

(Số tiền bằng chữ: đồng)

Điều 2: THANH TOÁN

1. Bên B phải thanh toán cho Bên A số tiền ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này vào ngày ... tháng ... năm
2. Bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức

Điều 3: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG

1. Bên A giao cho bên B theo lịch sau:
.....
2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên chịu.
Chi phí bốc xếp:
3. Quy định lịch giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là đồng/ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.
4. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).
5. Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chờ về nhập kho mới hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra trung gian (.....) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn 10 ngày tính từ khi lập biên bản. Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì thì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó.
6. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm; khi đến nhận hàng, người nhận phải có đủ:

- Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua;
- Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán;
- Giấy chứng minh nhân dân.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Bên bán không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá nếu vào thời điểm giao kết hợp đồng bên mua đã biết hoặc phải biết về những khiếm khuyết đó;
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn khiếu nại theo quy định của Luật Thương mại 2005, bên bán phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá đã có trước thời điểm chuyển rủi ro cho bên mua, kể cả trường hợp khiếm khuyết đó được phát hiện sau thời điểm chuyển rủi ro;
3. Bên bán phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hóa phát sinh sau thời điểm chuyển rủi ro nếu khiếm khuyết đó do bên bán vi phạm hợp đồng.
4. Bên mua có trách nhiệm thanh toán và nhận hàng theo đúng thời gian đã thỏa thuận.

Điều 5: BẢO HÀNH VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HÀNG HÓA

1. Bên A có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng cho bên mua trong thời gian là tháng.
2. Bên A phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hóa một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

Điều 6: ĐIỀU KHOẢN PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt % giá trị của hợp đồng bị vi phạm.

Điều 7: BẤT KHẢ KHÁNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Bất khả kháng nghĩa là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, một trong các Bên vẫn không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này; gồm nhưng không giới hạn ở: thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, chiến tranh, can thiệp của chính quyền bằng vũ trang, cản trở giao thông vận tải và các sự kiện khác tương tự.

2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải bất khả kháng phải không chậm trễ, thông báo cho bên kia tình trạng thực tế, đề xuất phương án xử lý và nỗ lực giảm thiểu tổn thất, thiệt hại đến mức thấp nhất có thể.

3. Trừ trường hợp bất khả kháng, hai bên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các nội dung của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc từ bất kỳ bên nào, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không tự giải quyết được, hai bên thống nhất đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng, có giá trị ràng buộc các bên. Bên thua phải chịu toàn bộ các chi phí giải quyết tranh chấp.

Điều 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và tự động thanh lý hợp đồng kể từ khi Bên B đã nhận đủ hàng và Bên A đã nhận đủ tiền.

2. Hợp đồng này có giá trị thay thế mọi giao dịch, thỏa thuận trước đây của hai bên. Mọi sự bổ sung, sửa đổi hợp đồng này đều phải có sự đồng ý bằng văn bản của hai bên.

3. Trừ các trường hợp được quy định ở trên, Hợp đồng này không thể bị hủy bỏ nếu không có thỏa thuận bằng văn bản của các bên. Trong trường hợp hủy hợp đồng, trách nhiệm liên quan tới phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại được bảo lưu.

4. Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Chức vụ	Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký tên, đóng dấu)

VI. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI MUA BÁN

Số:.....

Ngày:.....

Hợp đồng này được lập và ký vào ngày..... tháng..... năm giữa:

Công ty.....(BÊN MUA).

Đại diện bởi..... Chức vụ.....

Trụ sở.....

Tài khoản số.....

Tại Ngân hàng.....

Mã số thuế.....

Công ty.....(BÊN BÁN).

Đại diện bởi..... Chức vụ.....

Trụ sở.....

Tài khoản số.....

Tại Ngân hàng.....

Mã số thuế.....

Vì BÊN BÁN trong phạm vi trách nhiệm cung cấp..... và các dịch vụ có liên quan.

Vì BÊN MUA muốn mua và BÊN Bán muốn bán những Hàng Cung Cấp và Dịch Vụ và hai bên muốn định nghĩa những cách thức và điều kiện mua bán của Hàng Cung Cấp và Dịch Vụ.

Nên sau đây, hai bên, dưới sự đồng ý song phương, cùng thỏa thuận với nhau những điều khoản sau:

Điều 1: Định nghĩa

Trong hợp đồng này, các khái niệm dưới đây sẽ được định nghĩa như sau, nếu không có các quy định khác:

“Tài Liệu Liên Quan” được hiểu là sách hướng dẫn vận hành và các tài liệu in khác được liệt kê trong chỉ tiêu kỹ thuật bao gồm sách chỉ dẫn cho người sử dụng, sách chỉ dẫn lập trình, sách chỉ dẫn sửa đổi, bản vẽ, sơ đồ và bản kê phần mềm dùng để hỗ trợ hoặc bổ sung cho việc hiểu rõ hoặc ứng dụng phần mềm.

“Giá Trị Hợp Đồng” Là tổng giá trị Bên Mua phải trả cho Bên Bán hoàn tất nghĩa vụ trong hợp đồng của mình một cách đầy đủ và trọn vẹn, nhưng không bao gồm lãi suất phát sinh do thanh toán chậm (nếu có) và bất cứ hình thức tiền phạt nào.

“Bảng Giá” là bảng tổng kết giá và bảng giá chi tiết cho “Hàng cung cấp” theo hợp đồng và được định nghĩa dưới đây.

“Hàng Cung Cấp” bao gồm thiết bị, hàng hóa, vật tư hoặc phụ kiện hay linh kiện được Bên Bán cung cấp cho Bên Mua hoặc người được ủy quyền của Bên Mua theo hợp đồng.

“Giá hàng Cung Cấp” là tổng giá trị của “Hàng Cung Cấp” ghi trong hợp đồng nhưng không bao gồm lãi suất phát sinh do thanh toán chậm (nếu có) và bất cứ hình thức tiền phạt hay khiếu nại nào.

“Last Major Shipment” “Giao Hàng chủ yếu/chính Cuối Cùng” có nghĩa là 100% thiết bị chủ yếu/chính đã được giao.

Điều 2: Phạm vi hợp đồng

- Trách nhiệm của Bên Bán

Bên Bán sẽ cung cấp và giao vật tư thiết bị bao gồm:..... như đã liệt kê ở

Danh mục vật tư Hợp Đồng này (Phụ lục....) CIF..... cảng theo INCOTERMS 2000.

- Tên hàng:

- Nhà sản xuất

- Nhà cung cấp

- Số lượng và số chế tạo hàng hóa

- Chất lượng

- Xuất xứ nguồn gốc

- Đóng gói

- Giá cả

- Mã hiệu

- Trách nhiệm của bên Mua

Điều 3: Giá trị hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng là:..... CIF Hải Phòng (Bằng chữ.....), trong đó:

Giá trị (vật tư) thiết bị:

Giá dịch vụ:

Tổng giá trị của hợp đồng được áp dụng cho các chủng loại và số lượng vật tư/ thiết bị và dịch vụ được liệt kê trong bản tổng kết Giá ở phụ lục ... và danh mục vật tư ở Phụ lục

1.....

2.....

Điều 4: Điều kiện giao hàng

- Cảng xếp hàng:
- Cảng đích:
- Thời gian giao hàng: ngày kể từ ngày bên bán nhận được L/C
- Giao hàng từng phần: Được phép
- Chuyển tải: Không được phép
- Thông báo trước khi giao hàng: Trong vòng (ngày) trước ngày tàu rời Cảng xếp hàng theo dự kiến, Bên bán phải thông báo cho bên mua bằng Fax với nội dung sau: Số hợp đồng, số L/C, tên hàng, số lượng hàng, giá trị hàng, thời gian dự kiến tàu rời cảng.
- Thông báo giao hàng: Trong vòng () ngày làm việc tính từ khi tàu rời cảng (được hiểu là ngày ký phát vận đơn), Bên bán phải thông báo cho bên mua bằng Fax với nội dung sau: Số hợp đồng, số L/C, tên hàng, số lượng, số kiện, trọng lượng và kích thước từng kiện. Tổng trọng lượng, giá trị hóa đơn, Tên tàu, cơ và quốc tịch tàu, số vận đơn, thời gian dự kiến tàu tới đích.

Điều 5: Phương thức thanh toán

Phương thức thanh toán cụ thể như sau:

- Thanh toán đặt cọc

Toàn bộ giá trị hợp đồng được thanh toán bằng một thư tín dụng trả ngay, không hủy ngang cho bên bán.....

L/C bao gồm tổng giá trị của hợp đồng được mở trong vòng 7 ngày kể từ ngày bên Mua nhận được Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được quy định tại điều trong hợp đồng này. L/C có hiệu lực và hết hiệu lực cao nhất là ngày kể từ ngày phát hành.

L/C thông báo qua ngân hàng

Xuất trình chứng từ trong thời gian chậm nhất 21 ngày kể từ ngày ký phát vận đơn.

- Toàn bộ việc thanh toán sẽ được tiến hành dưới sự xuất trình những chứng từ sau:

3/3 bản gốc vận đơn đường biển hoàn hảo, đã xếp hàng, lập theo lệnh Ngân hàng mở, ghi rõ “ cước phí đã trả trước”,

Hóa đơn thương mại:3 bản chính Phiếu đóng gói:3 bản chính

Giấy chứng nhận chất lượng và số lượng do Nhà sản xuất cấp: 3 bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ do Phòng thương mại và Công nghiệp .(nước chế tạo) cấp Chứng nhận bảo hiểm (mọi rủi ro) bằng giá trị hợp đồng theo quy định tại điều của bản hợp đồng này.

- Chấp nhận một bộ chứng từ không có giá trị thanh toán bao gồm cả bản sao hợp đồng thuê tàu gửi qua DHL cho bên Mua chậm nhất 7 ngày kể từ ngày ký phát vận đơn đến địa chỉ (địa chỉ của bên mua). Mọi chi phí phát sinh do việc giao chứng từ không đúng, không đầy đủ hoặc giao chậm của bên Bán do bên bán chịu.

Điều 6: Thuê tàu

Bên bán cam kết rằng ký hợp đồng thuê tàu của các chủ tàu có uy tín trên thị trường, đối với tàu biển đủ tiêu chuẩn đi biển Quốc tế, tuổi tàu không quá.... Trong hợp đồng thuê tàu thể hiện rõ cước phí đã trả trước, chủ tàu (người chuyên chở) chịu mọi trách nhiệm về hàng hóa kể từ khi hàng được bốc qua lan can tàu.

Điều 7: Bảo hiểm

Hàng hóa phải được bảo hiểm bởi một công ty bảo hiểm được thành lập một cách hợp pháp và có khả năng bảo hiểm mọi rủi ro đối với hàng hóa.

Rủi ro được bảo hiểm: Mọi rủi ro mất mát vật chất hoặc thiệt hại do các yếu tố bên ngoài gây ra và bao gồm cả rủi ro chiến tranh bạo động, bạo loạn và nổi loạn dân sự (đối với các nước có nguy cơ xảy ra chiến tranh, bạo động, bạo loạn cao cần yêu cầu các loại bảo hiểm này)

Thời gian bảo hiểm: (được thỏa thuận hai bên) nhưng bao gồm cả chuyển tải (nếu có)

Các điều kiện bảo hiểm sẽ tuân theo:

Người hưởng lợi từ Bảo hiểm: (ghi rõ tên người mua); Khi rủi ro xảy ra khiếu nại được thanh toán tại(thông thường nước người mua).

Điều 8: Kiểm tra hàng hóa

8.1 Bên bán phải kiểm tra hàng hóa trước khi giao hàng (Kiểm tra lần 1). Toàn bộ chi phí do Bên bán chịu,

8.2 Kiểm tra lần hai do, chi phí kiểm tra do bên mua chịu.

8.3 Sự khác biệt giữa kết quả kiểm tra lần đầu và kết quả kiểm tra lần 2 thì kết quả kiểm tra lần 2 có tính quyết định. Trong trường hợp có sự khác biệt về số lượng hoặc chất lượng (chi tiết của phụ tùng), Bên mua có quyền đòi bên bán:

+ Gửi ngay lập tức hàng hóa với chất như đã cam kết trong hợp đồng này trong vòng ... ngày làm việc sau khi nhận được khiếu nại.

+ Thay thế những phần hoặc toàn bộ hàng hóa không đảm bảo bằng những phần hoặc hàng hóa mới, đảm bảo chất lượng theo đúng quy định trong hợp đồng. Các chi phí liên quan do bên bán chịu.

Bên bán phải giải quyết khiếu nại của bên mua trong vòng ... ngày kể từ khi nhận được khiếu nại.

Bên mua có quyền từ chối không nhận hàng nếu xét thấy có sự khác biệt nói ở điều 8.3 của hàng hóa không thể khắc phục được.

Điều 9: Bảo hành

- Thời gian bảo hành cho Hàng Cung Cấp là tháng kể từ ngày ký vận đơn đường biển hoặc.. giờ hoạt động tùy theo điều kiện nào đến trước.
- Bên Bán bảo đảm rằng vật tư/ thiết bị cung cấp theo hợp đồng này là mới, không bị lỗi và theo đúng các chỉ tiêu kỹ thuật
- Trong suốt thời gian bảo hành Bên Bán sẽ sửa chữa, thay thế, miễn phí cho những thiếu sót, hỏng hóc của Công Việc mà những thiếu sót, hỏng hóc này do sự cầu thả của Bên Mua hay do sự hao mòn tự nhiên gây nên.
- Trong thời gian bảo hành Bên Mua phải thông báo cho Bên Bán về mọi hư hỏng bằng văn bản. Bên bán, ngay sau khi nhận tin bán này, phải sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận hư hỏng bằng thiết bị mới. Dự đoán về thời gian sửa chữa hoặc thay thế phải được thông báo cho Bên Mua. Tất cả các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế thiết bị sẽ do người bán chịu.
- Bên Bán đảm bảo rằng tất cả phần sửa chữa và thay thế trong quá trình bảo hành cũng được bảo hành hết thời gian bảo hành gốc của thiết bị khiếm khuyết ban đầu hoặc là ngày kể từ ngày thay thế hoặc sửa chữa, tùy theo ngày nào tới trễ hơn.
- Bên bán sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng nào do lỗi hoặc vận hành không đúng qui cách của Bên Mua.
- Bất cứ lúc nào Bên Bán cũng có thể đưa thiết bị những sửa đổi về kỹ thuật nếu việc đó cần thiết do sự thay đổi về công nghệ và/ hoặc do sự sẵn có của linh kiện miễn là thiết bị được thay đổi có chức năng tương đương hoặc tốt hơn thiết bị ghi trong hợp đồng và tương thích với nó. Trong những trường hợp này Bên Bán sẽ thông báo trước kịp thời cho Bên Mua về những thay đổi đó.

Điều 10: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

- Trong vòng ngày sau khi ký hợp đồng, Bên bán phải mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị là 10% tổng giá trị hợp đồng (tức là.....) ghi trong điều khoản 3.
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị đến 30 ngày sau ngày kết thúc thời hạn bảo hành sẽ được trả cho bên bán sau khi hết hạn
- Bảo lãnh sẽ được phát hành bởi một Ngân hàng được chấp nhận bởi người mua bằng một bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện theo mẫu được người mua chấp nhận.

Tất cả các chi phí phát sinh khi mở bảo lãnh đều do Bên Bán chịu và Bên Bán phải bồi thường và bảo đảm việc bồi thường cho Bên Mua khỏi những chi phí này.

Điều 11: Chấm dứt hợp đồng

- Bất kỳ Bên Bán hay Bên Mua đều không được phép chấm dứt hay trì hoãn việc thực hiện toàn bộ hay từng phần hợp đồng nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia, với điều kiện là bên yêu cầu chấm dứt hợp đồng phải cho phía đối tác một thời hạn hợp lý để khắc phục những khó khăn dẫn đến việc không thực hiện hợp đồng. Nếu như sau thời hạn đó, bên vi phạm vẫn không hoàn thành được nghĩa vụ của mình, bên yêu cầu chấm dứt hợp đồng sẽ thông báo chấm dứt hợp đồng bằng văn bản.

- Trong trường hợp do lỗi của Bên Bán, Bên Mua có quyền đòi một khoản đền bù thiệt hại nhưng không quá bảo lãnh thực hiện hợp đồng quy định trong điều khoản 10. Bên Mua sẽ trả lại các sản phẩm không đáp ứng đúng các chỉ tiêu kỹ thuật như đã thỏa thuận và thống nhất tại Phụ Lục ... (Danh mục vật tư) cho Bên Bán mà không phải bồi thường cho Bên bán những chi phí do bên Bán chịu khi cung cấp các sản phẩm này. Bên Bán sẽ phải hoàn trả cho Bên Mua tất cả các khoản tiền đã trả cho sản phẩm hỏng nói trên vào ngày chấm dứt hợp đồng. Bên bán sẽ chịu trách nhiệm thanh toán chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan đến việc trả lại sản phẩm. Không tính bất kỳ khoản khiếu nại hay thanh toán bồi thường thiệt hại nào khác.

- Trong trường hợp do lỗi của Bên Mua, Hai bên sẽ thỏa thuận và xác nhận những phần việc mà Bên Bán đã thực hiện đến ngày chấm dứt hợp đồng. Bên Mua sẽ phải thanh toán cho Bên Bán giá trị của những phần việc đã hoàn thành nói trên.

- Trong trường hợp một bên bị vỡ nợ, phải chuyển nhượng tất cả quyền lợi cho chủ nợ, buộc phải chấp nhận hoặc cho phép người tiếp nhận tài sản hoặc các hoạt động kinh doanh, phải tuân theo các thủ tục của Luật phá sản trong nước hoặc nước ngoài theo hình thức tự nguyện hay bắt buộc. Bên vỡ nợ phải thông báo ngay lập tức cho bên kia bằng văn bản và cả hai bên sẽ cố gắng tìm giải pháp thích hợp nhất cho vụ việc.

- Sẽ không bên nào có lỗi nếu sự không hoàn thành nhiệm vụ theo hợp đồng xảy ra vì trường hợp bất khả kháng. Nếu trong trường hợp bất khả kháng kéo dài hơn tháng, hai bên sẽ gặp gỡ và cố gắng tìm giải pháp thích hợp chung cho trường hợp này.

Điều 12: Trách nhiệm pháp lý/Phạt giao hàng chậm

Nếu bất kỳ một khoản tiền nào mà được xác định là nợ phải trả cho Bên Mua dưới dạng trách nhiệm pháp lý hoặc phạt giao hàng chậm, số tiền này sẽ được thanh toán riêng, không tính chung với các thanh toán khác cho Bên Bán theo hợp đồng này.

Trách nhiệm pháp lý của Bên Bán liên quan tới bất cứ hành động hay sự thiếu sót, liên quan đến sản phẩm đã bán, đã thực hiện dịch vụ hay đã cung cấp, dù là trực tiếp hoặc gián tiếp theo hợp đồng này, dù là quy định trong hợp đồng, trong bảo hành, do sai sót hoặc thất bại khi thực hiện mục đích cần thiết về làm lỗi(bao gồm cả do câu trả hay trách nhiệm tuyệt đối)_thì sự bồi thường hay những đền bù tương tự khác đều không vượt quá tổng giá trị hợp đồng (hoặc..... USD trong trường hợp giá trị hợp đồng nhiều hơn... USD) cho mọi trách nhiệm trong toàn thể các điều khoản của hợp đồng.

Trong trường hợp việc giao thiết bị/ vật tư, hay thực hiện Dịch Vụ (căn cứ theo ngày của Biên Bản Nghiệm Thu) bị chậm trễ vì bất cứ lý do nào thuộc trách nhiệm Bên Bán, Bên Mua

có thể khiếu nại đòi thanh toán các khoản thiệt hại từ 0.5% một tuần đến mức tối đa 5% tính trên trị giá thiết bị/ vật tư giao chậm hoặc Công việc chậm triển khai.

Ngoại trừ được đề cập đến một cách cụ thể, không bên nào sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại gián tiếp, ngẫu nhiên, những thiệt hại đặc biệt hay những hậu quả kể cả nhưng sẽ không chỉ giới hạn bởi các tổn thất về lợi nhuận hay doanh thu, tổn thất về đầu tư, về uy tín của công ty hoặc chi phí vốn.

Điều 13: Trường hợp bất khả kháng

- Trong bất kỳ trường hợp nào ngoài sự kiểm soát của mỗi bên, làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ thực hiện tất cả hoặc một phần hợp đồng của mỗi bên thì thời gian quy định thực hiện nghĩa vụ này sẽ được gia hạn dài ra bằng với khoảng thời gian do hậu quả của trường hợp bất khả kháng gây ra. Những sự kiện mà (sau đây gọi là “Bất Khả Kháng”) bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Thiên tai bao gồm: Bão, động đất, lũ lụt hay bất kỳ hình thức nào khác do thiên nhiên gây ra mà sức mạnh và sự tàn phá của nó không thể lường trước hoặc chống lại được.

- Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), chiến sự, xâm lược, hoạt động của kẻ thù bên ngoài, đe dọa hoặc chuẩn bị chiến tranh, bạo động, khởi nghĩa, xáo trộn công cộng, nổi loạn, cách mạng, nội chiến, các đình công, phá hoại của công nhân.

- Mặc dù đã đề cập ở trên, không bên nào được miễn trách nhiệm thanh toán các khoản đáo hạn cho nghĩa vụ của mình vì bất cứ lý do Bất khả kháng.

- Trong trường hợp bất khả kháng, các bên sẽ thông báo cho nhau về các biến cố của trường hợp này, và cả những hậu quả có thể xảy ra cho việc thực hiện hợp đồng này trong vòng 20 ngày kể từ khi xảy ra biến cố. Thời gian giao hàng trong trường hợp này sẽ được kéo dài với sự nhất trí của hai bên.

- Nếu các tình huống do bất khả kháng gây ra kéo dài hơn 6 tháng, các điều khoản và điều kiện của hợp đồng sẽ được xem xét một cách hợp lý và thống nhất hòa thuận giữa hai bên.

Điều 14: Sửa đổi hợp đồng

Bất kỳ một sự sửa đổi hay bổ sung hợp đồng sẽ chỉ có giá trị nếu như được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký vào văn bản sửa đổi, bổ sung. Văn bản sửa đổi, bổ sung này sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng. Tiếng Anh và Tiếng Việt sẽ được sử dụng trong tất cả các giao dịch, thông tin liên lạc giữa hai bên.

Điều 15: Trọng tài kinh tế

- Mọi vấn đề khác biệt hay tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này hay các văn bản thỏa thuận có liên quan đến việc thực thi hợp đồng sẽ được giải quyết bằng sự nỗ lực hòa giải giữa các bên.

- Bất kỳ tranh chấp hay khác biệt có liên quan đến hợp đồng mà không thể giải quyết trên cơ sở hòa giải thì sẽ được giải quyết tại Trung tâm trọng tài Quốc tế ở Việt Nam (Gọi tắt là luật) với ba trọng tài bổ nhiệm theo quy định của Luật.

- Địa điểm phân xử tại Trung tâm trọng tài quốc tế của Việt Nam đặt ở văn phòng thương mại và công nghiệp nước Việt Nam. Luật tố tụng của Việt Nam sẽ được áp dụng trong trường hợp Luật trọng tài không đề cập đến.

- Mọi tranh chấp sẽ được giải quyết theo các điều khoản của hợp đồng và các thỏa thuận khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng, nếu không thì sẽ áp dụng luật định của Việt Nam mà không tham chiếu đến các luật khác.

- Phán quyết của trọng tài sẽ được ghi bằng văn bản, là quyết định cuối cùng và sẽ ràng buộc trách nhiệm của cả hai bên.

- Chi phí trọng tài và/ hay những chi phí khác sẽ do bên thu kiện thanh toán.

- Tiếng Việt là ngôn ngữ được sử dụng trong phân xử

Điều 16: Luật điều chỉnh hợp đồng

Luật điều chỉnh hợp đồng sẽ là luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Điều 17: Không chuyển nhượng

Bên Bán không được phép chuyển nhượng một phần hay toàn bộ hợp đồng trực tiếp hay gián tiếp mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Mua. Trong trường hợp có sự đồng ý của hai bên, từng điểm, hay nhiều điểm, của hợp đồng sẽ được chuyển nhượng một cách hợp pháp, phần còn lại không thay đổi.

Điều 18: Ngôn ngữ và hệ thống đo

18.1 Tất cả giao dịch, liên lạc giữa hai bên bao gồm thông báo, yêu cầu, thỏa thuận, chào hàng hay đề nghị sẽ được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Tất cả các bản vẽ, mô tả kỹ thuật, báo cáo hay các tài liệu khác sẽ được soạn thảo bằng tiếng Anh. Hợp đồng được lập bằng cả tiếng Anh và Tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, nếu có sự khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì bản tiếng Việt làm chuẩn.

18.2 Tất cả các tài liệu kèm theo hợp đồng sẽ theo hệ thống..... và ngày là ngày dương lịch, ngoại trừ có các quy định khác.

Điều 19: Toàn bộ hợp đồng

Hợp đồng giữa hai bên bao gồm các điều khoản được ghi trong bản hợp đồng này và các phụ lục đính kèm theo sau đây:

- Phụ lục

Các điều khoản và điều kiện cùng tất cả các phụ lục đính kèm tạo nên một bộ hợp đồng giữa Bên Mua và Bên Bán

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

VII. MẪU HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số .../HDNT

Địa danh, ngày ... tháng ... năm...

Chúng tôi bao gồm:.....

Bên bán (sau đây gọi là bên A):.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Email (nếu có):.....

Mã số thuế:.....

Số tài khoản:.....

Người đại diện (công ty/ doanh nghiệp):.....

Chức vụ/ vị trí hiện tại:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Email:.....

Bên mua (sau đây gọi là bên B):.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Email (nếu có):.....

Mã số thuế:.....

Số tài khoản:.....

Người đại diện (công ty/ doanh nghiệp):.....

Chức vụ/ vị trí hiện tại:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Email:.....

Sau đây chúng tôi đã đưa ra thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc này, với điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: đối với điều khoản chung

1. Hai bên có nhu cầu mua – bán về hàng hóa dựa trên quyền và lợi ích của cả hai bên là bên A và bên B.
2. Sau hợp đồng này được ký kết nếu phát sinh hai bên sẽ đi tới quyết định thỏa thuận khác về mua bán đối với từng lần thực hiện giao dịch. Trong đó, các thông tin về số lượng, khối lượng, chất lượng và giá cả,... sẽ được thỏa thuận chi tiết trong bản hợp đồng mua bán.
3. Khi có mâu thuẫn phát sinh trong hợp đồng này và hợp đồng mua bán thì sẽ giải quyết theo các điều khoản ghi nhận trong hợp đồng nguyên tắc này.

Điều 2: Về nội dung hàng hóa

1. Bên bán phải đảm bảo nghĩa vụ cung cấp hàng hóa và sản phẩm đúng về chất lượng, chủng loại, thông tin như trong thỏa thuận và theo quy định pháp luật.
2. Các thông tin chi tiết về hàng hóa hai bên sẽ nêu rõ trong hợp đồng mua bán.

Điều 3: Đối với giao và nhận hàng

1. Khi giao nhận hàng hóa bên nhận hàng kiểm tra các thông tin về số lượng hàng hóa, ngoài ra địa điểm giao và nhận hàng, chi phí phát sinh sẽ nêu rõ trong hợp đồng mua bán.
2. Các giấy tờ khi thực hiện giao dịch hàng hóa cần phải có:
 - Hóa đơn bán hàng có xác nhận của hai bên
 - Biên bản giao nhận hàng, trong đó ghi nhận rõ các nội dung về số lượng, số khối lượng, kiện hàng, thùng hàng.

Điều 4: Đối với giá cả và các phương thức thanh toán

1. Hai bên đi đến thống nhất thỏa thuận mức giá bán hàng theo như giá của công ty là:.....

- Đơn giá, thuế VAT và tổng tiền thanh toán của hàng hóa ghi nhận rõ trong Hợp đồng mua bán.
- Các phương thức mua bán ghi nhận trong hợp đồng mua bán

Điều 5: Nghĩa vụ của các bên

1. Bên bán

- Đảm bảo cung cấp các loại hàng hóa sản phẩm về chất lượng sản phẩm, loại hàng và tiêu chuẩn đúng như đã thỏa thuận.
- Kịp thời cập nhật các thông tin về giá, các loại sản phẩm mới, sản phẩm thay đổi thông tin,...
- Ngoài ra, cần phải thực hiện đúng và hoàn thành nghĩa vụ ghi trong hợp đồng mua bán

2. Bên mua

- Đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đúng như thời gian hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Tuân thủ đúng các quy định pháp luật khi thực hiện vận chuyển, di dời hàng hóa.
- Ngoài ra, cần phải thực hiện đúng và hoàn thành nghĩa vụ ghi trong hợp đồng mua bán

Điều 6: Nghĩa vụ về các thông tin cung cấp của hai bên

- Các bên cung cấp đầy đủ các thông tin của hai bên về: tên của công ty, doanh nghiệp, số vốn, tài khoản ngân hàng, thông tin của người đại diện thực hiện giao dịch mua bán, giấy phép về đăng ký kinh doanh, văn bản ủy quyền.
- Các bên cung cấp thông tin trên cam đoan là chính xác và không có sai sót. Theo đó, khi phát sinh về việc thay đổi thông tin thì bên đó phải thực hiện thông báo bên còn lại để điều chỉnh thông tin
- Nếu phát sinh thiệt hại do lỗi của một trong các bên thì phải thực hiện bồi thường theo thỏa thuận nhưng đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật.

Điều 7: Bảo hành sản phẩm (nếu có)

Các phát sinh vấn đề hỏng sản phẩm, hàng hóa do lỗi của bên nhà sản xuất hoặc bên bán thì phải có trách nhiệm hỗ trợ bảo hành đúng như ghi nhận trên giấy bảo hành.

Điều 8: Cam kết

- Trường hợp một trong các bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng thì hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận. Trường hợp không thể thỏa thuận sẽ đưa vụ việc khởi kiện ra tòa ra trực tiếp tòa án quận/ huyện....., đồng thời tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Đối với hiệu lực của hợp đồng

1. Hợp đồng nguyên tắc có giá trị hiệu lực bắt đầu từ ngày.... Tháng....năm....- tức là ngày ký kết hợp đồng. Trường hợp phát sinh thì hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận sau.
2. Hợp đồng nguyên tắc này sẽ có hiệu lực kéo dài đến.....

Bản hợp đồng nguyên tắc này được lập làm 4 bản, hai bên mỗi bên sẽ lưu giữ 2 bản và đồng thời có giá trị pháp lý là như nhau.

Bên bán – bên A

(ký, ghi rõ họ và tên người đại diện, đóng
dấu)

Bên mua - bên B

(ký, ghi rõ họ và tên người đại diện, đóng
dấu)

VIII. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE Ô TÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE Ô TÔ

Hôm nay, ngày tháng năm, tạiChúng tôi gồm:

Bên bán (Sau đây gọi tắt là Bên A)

Ông:Sinh năm:

CMND/CCCD số: do cấp ngày

Hộ khẩu thường trú tại:

Bà:Sinh năm:

CMND/CCCD số: do cấp ngày

Hộ khẩu thường trú tại:

Bên mua (Sau đây gọi tắt là Bên B)

Ông:Sinh năm:

CMND/CCCD số: do cấp ngày

Hộ khẩu thường trú tại:

Hai bên đồng ý thực hiện việc mua bán xe ô tô với các thỏa thuận sau:

ĐIỀU 1: XE Ô TÔ MUA BÁN

Bên A là chủ sở hữu chiếc xe ô tô mang biển số theo giấy đăng ký ô tô số do cấp ngày đăng ký lần đầu ngày được mang tên tại địa chỉ:

Nhãn hiệu :

Số loại :

Loại xe :

Màu Sơn :

Số máy :

Số khung :

Số chỗ ngồi :

Đăng ký xe có giá trị đến ngày:

ĐIỀU 2: GIÁ MUA BÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Giá mua bán chiếc xe nêu trên tại điều một của Hợp đồng được thỏa thuận là: VNĐ (Bằng chữ:))

Phương thức thanh toán:

Việc thanh toán số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN XE

Việc giao nhận tiền, giao nhận xe và các giấy tờ liên quan do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 4: QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI XE MUA BÁN

Bên có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với xe nêu trên tại cơ quan có thẩm quyền.

Quyền sở hữu đối với xe nêu tại Điều 1 đã được chuyển cho bên B, kể từ thời điểm thực hiện xong thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe.

ĐIỀU 5: VIỆC NỘP THUẾ, PHÍ

Thuế, phí liên quan đến việc mua bán chiếc xe nêu tại Điều 1 theo Hợp đồng này do Bên chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng, giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- Những thông tin về nhân thân, về tài sản mua bán ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- Tài sản mua bán không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
- Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này

2. Bên B cam đoan:

- Những thông tin về nhân thân về quan hệ hôn nhân mà Bên B cung cấp ghi trong hợp đồng là đúng sự thật;
- Bên B đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

3. Hai bên cam đoan:

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sự giả mạo về hồ sơ, giấy tờ cung cấp cũng như các hành vi gian lận hay vi phạm pháp luật khác liên quan tới việc ký kết hợp đồng này;
- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này;

2. Hai bên đã tự đọc nguyên văn, đầy đủ các trang của bản Hợp đồng này và không yêu cầu chỉnh sửa, thêm, bớt bất cứ thông tin gì trong bản hợp đồng này và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này;

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm các bên ký vào Hợp đồng này.

BÊN BÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN MUA

(Ký, ghi rõ họ tên)

IX. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE MÁY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE

Tại Phòng Công chứng số..... thành phố..... (Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng), chúng tôi gồm có:

Bên bán (sau đây gọi là Bên A):

Ông: Sinh ngày:

CMND:.....cấp ngày: tại:

Hộ khẩu thường trú:

Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

CMND:.....cấp ngày: tại:.....

Hộ khẩu thường trú:

Bên mua (sau đây gọi là Bên B):

Ông: Sinh ngày:

CMND:..... Cấp ngày: tại:

Hộ khẩu thường trú:

Hai bên đồng ý thực hiện việc mua bán xe máy với các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1. Đối tượng của hợp đồng

Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua chiếc xe được mô tả dưới đây:

1. Đặc điểm xe:

Biển số:

Nhãn hiệu:..... ;

Dung tích xi lanh:.....;

Loại xe:

Màu sơn:.....;

Số máy:..... ;

Số khung:.....;

Các đặc điểm khác:(nếu có)

2. Giấy đăng ký xe số:.....do.....cấp ngày.....

ĐIỀU 2. Giá mua bán và phương thức thanh toán

1. Giá mua bán xe nêu tại Điều 1 là:

(Bằng chữ:))

2. Phương thức thanh toán:

3. Việc thanh toán số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 3. Thời hạn, địa điểm và phương thức giao xe

.....

ĐIỀU 4. Quyền sở hữu đối với xe mua bán

1. Bên mua có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với xe tại cơ quan có thẩm quyền (ghi rõ các thỏa thuận liên quan đến việc đăng ký);

2. Quyền sở hữu đối với xe nêu trên được chuyển cho Bên B, kể từ thời điểm thực hiện xong các thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe;

ĐIỀU 5. Việc nộp thuế và lệ phí công chứng

Thuế và lệ phí liên quan đến việc mua bán chiếc xe theo Hợp đồng này do Bên mua chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6. Phương thức giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. Cam đoan của các bên

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân, về xe mua bán ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Xe mua bán không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;

2. Bên B cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về xe mua bán và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 8. Điều khoản cuối cùng

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này;

2. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, này trước sự có mặt của Công chứng viên;

3. Hợp đồng có hiệu lực thời điểm các bên ký kết hợp đồng

BÊN A	BÊN B
(ký, điền chỉ và ghi rõ họ tên)	(ký, điền chỉ và ghi rõ họ tên)

X. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE Ô TÔ CŨ GIỮA 2 CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

HỢP ĐỒNG MUA BÁN Ô TÔ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

Số:/.....

Căn cứ vào:

- Bộ Luật Dân sự số 91/2014/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan;
- Khả năng và nhu cầu của các Bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm tại, chúng tôi gồm có:

<u>BÊN A:</u> (Bên bán)
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Số fax:
Số tài khoản:Ngân hàng

Đại diện theo pháp luật:Chức vụ
CCCD/Hộ chiếu:
Và:	
<u>BÊN B:</u> (<i>Bên mua</i>)
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Số fax:
Đại diện theo pháp luật:
CCCD/Hộ chiếu:
Chức vụ:

Hai Bên thoả thuận và thống nhất ký kết **Hợp đồng mua bán ô tô** (Sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý bán cho Bên B chiếc xe ô tô đã qua sử dụng với đặc điểm sau

1.1. Ngày mua:

– Thời hạn bảo hành:

1.2. Đặc điểm xe:

– Biển số:

– Nhãn hiệu:

– Dung tích xi lanh:

– Loại xe:

– Màu sơn:

– Số máy:

– Số khung:

– Giấy đăng ký xe số:.....do.....cấp ngày.....

1.3. Tình trạng xe hiện tại:

.....

ĐIỀU 2: GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Giá:

Hai Bên thống nhất giá bán xe là: VNĐ (Bằng chữ:)

(giá đã bao gồm)

2.2. Phương thức thanh toán:

Bên B thanh toán một lần cho Bên A trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận xe bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A như sau:

.....

ĐIỀU 3: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO XE

Bên A sẽ cử người đánh xe tới giao cho Bên B tại trụ sở của Bên B đã nêu tại phần thông tin các Bên.

– Thời gian: Ngày ... tháng năm

– Địa điểm: Trụ sở

ĐIỀU 4: QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI HÀNG HÓA

4.1. Bên mua có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với xe tại cơ quan có thẩm quyền (ghi rõ các thỏa thuận liên quan đến việc đăng ký);

4.2. Quyền sở hữu đối với xe nêu trên được chuyển cho Bên B, kể từ thời điểm thực hiện xong các thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe;

ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ NỘP THUẾ VÀ LỆ PHÍ CÔNG CHỨNG

Thuế và lệ phí liên quan đến việc mua bán xe theo Hợp đồng này do Bên ... chịu trách nhiệm chi trả.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN

6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Yêu cầu Bên B thanh toán đúng thời hạn;
- Giao hàng cho Bên B đúng thời gian và địa điểm đã thỏa thuận;
- Cung cấp cho Bên B toàn bộ giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe;
- Đảm bảo quyền sở hữu hợp pháp đối với xe mua bán

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Nhận hàng đúng thời gian và địa điểm đã thỏa thuận

– Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A

– Khi nhận xe, Bên B phải xem xét tình trạng của xe, nếu không đúng với mô tả đã nêu tại Điều 1 Hợp đồng này, Bên B phải báo lại ngay với Bên A để hai Bên cùng xem xét lại.

ĐIỀU 7: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

7.1. Trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng, nếu một trong hai Bên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng này thì phải chịu một khoản tiền phạt là (Bằng chữ:.....). Ngoài ra còn phải bồi thường toàn bộ những thiệt hại thực tế phát sinh do việc vi phạm hợp đồng cho Bên kia. Bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh thiệt hại với Bên còn lại. Tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền bồi thường thiệt hại được trả chậm nhất trong vòng (.....) tháng sau khi sự vi phạm xảy ra và Bên bị vi phạm chấm dứt hợp đồng.....

7.2. Nếu Bên A vi phạm về thời gian giao hàng mà không phải do điều kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên B gây ra, Bên A phải chịu phạt% giá trị của phần hàng chậm giao cho mỗi ngày chậm giao. Phần tiền phạt giao chậm được trừ vào khoản tiền Bên B thanh toán cho Đơn hàng đó.

7.3. Nếu Bên B chậm trễ thanh toán so với thời gian quy định mà không phải do lỗi bất khả kháng hoặc do lỗi của Bên A thì Bên B phải trả phần lãi suất theo lãi vay ngắn hạn của ngân hàng Bên A sử dụng tại thời điểm trên tổng số tiền chậm thanh toán. Phần tiền phạt chậm sẽ được cộng vào khi thanh toán, tối đa không quá ... (....) ngày.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN BẤT KHẢ KHÁNG

8.1. Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Cơ quan Chính phủ...

8.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, mỗi bên phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng, và sẽ, trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng, chuyển trực tiếp hoặc bằng thư bảo đảm cho Bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự kiện bất khả kháng và khoảng thời gian xảy ra Sự kiện bất khả kháng đó.

8.3. Bên thông báo việc thực hiện Hợp đồng của họ trở nên không thể thực hiện được do Sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để giảm thiểu ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng đó.

8.4. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng khiến cho mỗi bên không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên được loại trừ.

ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, phát sinh tranh chấp, hai Bên sẽ tự thương lượng, giải quyết trên tinh thần hợp tác, thiện chí. Nếu không thương lượng được, các Bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

10.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đủ những điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ Hợp đồng. Mọi thay đổi của Hợp đồng phải được thống nhất bằng văn bản có xác nhận của hai bên.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến ngày .../.../.....

10.3. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này. Hai bên tự đọc lại và nghe đọc lại, hoàn toàn nhất trí với nội dung của Hợp đồng và cùng ký tên dưới đây để làm bằng chứng.

10.4. Hợp đồng gồm ... (.....) trang, có 10 (Mười) điều, được lập thành 02 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản./

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên và đóng dấu)

XI. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE Ô TÔ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE Ô TÔ

Số:/...../HD

Tại Phòng Công chứng số thành phố

(Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng), chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN (SAU ĐÂY GỌI LÀ BÊN A):

Tên tổ chức:

.....

Trụ sở:

.....

Quyết định thành lập số:.....ngày.... tháng năm

docấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....ngày.... tháng năm

docấp.

Số Fax:Số điện
thoại:.....

Họ và tên người đại diện: : Sinh ngày: :
.....

Chức vụ: :
.....

Chứng minh nhân dân số: :cấp ngày:tại:
.....

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:
ngàydolập.

BÊN MUA (sau đây gọi là Bên B):

Ông (Bà):.....Sinh
ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú):
.....
.....

Hoặc có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông:.....Sinh
ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú):
.....
.....

Cùng vợ là Bà:.....Sinh
ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú):

.....
.....

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:Sinh

ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú):

.....
.....

Các thành viên của hộ gia đình:

Họ và tên:Sinh

ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú):

.....
.....

** Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:*

Họ và tên người đại diện:Sinh

ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú):

.....
.....

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngàydolập.

Hai bên đồng ý thực hiện việc mua bán xe với các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1: XE MUA BÁN

1. Đặc điểm xe:

- a) Biển số:
- b) Nhãn hiệu:
- c) Dung tích xi lanh:
- d) Loại xe:
- e) Màu sơn:
- f) Số máy:
- g) Số khung:
- h) Các đặc điểm khác: (nếu có).

2. Giấy đăng ký xe số: do cấp ngày
.....

(Nếu tài sản mua bán có số lượng nhiều thì lần lượt liệt kê đặc điểm và Giấy đăng ký của từng xe như nêu trên)

ĐIỀU 2: GIÁ MUA BÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá mua bán xe nêu tại Điều 1 là:

(bằng chữ
.....)

2. Phương thức thanh toán:

3. Việc thanh toán số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 3: THỜI HẠN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO XE

Do các bên thỏa thuận:

ĐIỀU 4: QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI XE MUA BÁN

1. Bên có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với xe tại cơ quan có thẩm quyền (ghi rõ các thỏa thuận liên quan đến việc đăng ký);

2. Quyền sở hữu đối với xe nêu trên được chuyển cho Bên B, kể từ thời điểm thực hiện xong các thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe;

ĐIỀU 5: VIỆC NỘP THUẾ VÀ LỆ PHÍ CHỨNG THỰC

Thuế và lệ phí liên quan đến việc mua bán chiếc xe theo Hợp đồng này do Bên chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân, về xe mua bán ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Xe mua bán không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- e) Các cam đoan khác ...

2. Bên B cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về xe mua bán và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- e) Các cam đoan khác...

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này;

2. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

– Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;
- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;
- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;
- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

3. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày:

BÊN BÁN	BÊN MUA
(ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)	(ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CHỨNG THỰC

Ngày tháng năm(bằng chữ.....)

Tại

.....

(Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện chứng thực và Ủy ban nhân dân)

Tôi (ghi rõ họ tên, chức vụ của người thực hiện chứng thực)
.....quận (huyện)

CHỨNG THỰC:

– Hợp đồng mua bán xe này được giao kết giữa Bên A là và Bên B là ; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hợp đồng;

– Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

– Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

– Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

– Hợp đồng này được lập thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,trang), cấp cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

+ Lưu tại Phòng Tư pháp một bản chính.

Số chứng thực , quyển số.....TP / CC-

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CHỨNG THỰC

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ)

XII. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN NHÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN NHÀ

- Căn cứ qui định tại Bộ luật dân sự, Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày tháng.....năm 20.....

Tại : Văn phòng công chứng ...

Chúng tôi gồm:

Bên bán nhà:

Ông

Số CMND/hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại TP. Hồ Chí Minh.

Bà

Số CMND/hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại TP. Hồ Chí Minh.

Ngụ tại :

Điện thoại:..... - Email:.....

Là đồng chủ sở hữu căn nhà số Trần Hưng Đạo, Phường Bến Thành, Quận 1,

TP.HCM thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và QSD đất ở

số/20..... do UBND Quận cấp ngày/...../20.....

Sau đây gọi là Bên A.

Bên mua nhà:

Ông

Số CMND/hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại TP. Hồ Chí Minh.

Bà

Số CMND/hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại TP. Hồ Chí Minh.

Ngụ tại :

Điện thoại:..... - Email:.....

Sau đây gọi là Bên B.

Sau khi trao đổi, thỏa thuận, hai bên cùng nhau ký kết hợp đồng mua bán nhà này với nội dung như sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG (ĐỐI TƯỢNG MUA BÁN)

1.1. Bên A đồng ý bán cho bên B căn nhà số XXX Trần Hưng Đạo, P. Bến Thành, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh.

1.2. Đặc điểm căn nhà mua bán :

- Cấp nhà ở: nhà cấp 3.

- Tổng diện tích sàn nhà ở.....m², . diện tích phụ là:m².

- Trang thiết bị chủ yếu gắn liền với nhà ở (theo Phụ lục đính kèm).

- Giấy tờ về nhà ở kèm theo gồm:

* Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và QSD đất ở số AAA/2006 do UBND Quận 1 cấp ngày 01/02/2006.

* Tờ khai lệ phí trước bạ ngày ...

* Bản vẽ ...

1.3. Thời điểm giao giấy tờ sở hữu nhà : ngay sau khi hai bên ký hợp đồng công chứng và bên B thanh toán tiền mua nhà đợt 1.

1.4. Thời điểm giao nhà : ngày 30-06-2010. Khi giao nhà, hai bên sẽ lập “Biên bản bàn giao nhà”.

1.5. Trong vòng 10 ngày sau khi ký hợp đồng này, hai bên sẽ ra Phòng công chứng để công chứng hợp đồng theo thủ tục do pháp luật qui định. Mọi nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng này sẽ giữ nguyên như trong hợp đồng có công chứng. Bản hợp đồng có công chứng sẽ được xem là bản chính thức và thay thế hợp đồng này.

Điều 2 : TIỀN ĐẶT CỌC

2.1. Để bảo đảm việc giao kết và thực hiện hợp đồng, bên B đặt cọc cho A một khoản tiền trị giá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Số tiền cọc này bên B đã giao đủ cho bên A – thể hiện tại Hợp đồng đặt cọc ký ngày 15-6-2010 giữa hai bên.

2.2. Số tiền đặt cọc này sẽ được chuyển thành tiền mua bán nhà và căn trừ vào đợt thanh đầu tiên (đợt 1) trong số tiền mua nhà mà bên B có nghĩa vụ thanh toán cho bên A.

2.3. Sau khi nhận tiền đặt cọc, nếu bên A thay đổi ý kiến, không bán cho bên B nữa thì phải hoàn trả cho bên B số tiền gấp 2 lần số tiền đặt cọc mà mình đã nhận. Ngược lại, nếu bên B thay đổi ý kiến, không mua nhà nữa thì phải chịu mất tiền cọc.

Điều 3: GIÁ BÁN NHÀ & THUẾ

3.1. Giá bán nhà: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), đã bao gồm các loại thuế, lệ phí.

3.2. Thuế : Bên A có nghĩa vụ đóng các khoản thuế liên quan đến việc mua bán nhà theo qui định của pháp luật.

Điều 4: THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Thời gian thanh toán :

Tiền bán nhà sẽ được bên B thanh toán cho bên A theo 3 đợt như sau (không tính đợt đóng tiền cọc):

Đợt 1 : 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), ngay sau khi ký hợp đồng này tại Phòng công

chứng. Bên B chỉ phải đóng 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng), 100 triệu còn lại được cân trừ vào tiền đặt cọc đã đóng cho bên A.

Đợt 2 : 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) trong vòng 10 ngày sau khi thanh toán xong đợt 1.

Đợt 3 : 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), trong vòng 2 ngày sau khi bên B hoàn tất việc đóng thuế trước bạ (sang tên) tại cơ quan thuế.

4.2. Hình thức thanh toán : chuyển khoản. Tất cả những khoản thanh toán sẽ được bên B chuyển vào tài khoản của bên A theo chi tiết dưới đây:

- Tên tài khoản:
- Tên ngân hàng: EXIM Bank – Sở giao dịch 1.
- Địa chỉ: 7 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Số tài khoản (đồng VN): 200014849XXX
- Người thụ hưởng:

4.3. Lãi do thanh toán chậm: Nếu bên B không thanh toán đúng hạn thì phải trả thêm tiền lãi phát sinh cho số ngày chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn do EXIM Bank công bố tại thời điểm thanh toán.

Điều 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1. Hỗ trợ, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để hai bên cùng tiến hành các thủ tục hành chính pháp lý cần thiết khi thực hiện việc chuyển giao quyền sở hữu nhà theo qui định của pháp luật.

5.2. Bàn giao nhà và các tiện ích khác (thiết bị) cho Bên B đúng thời hạn. Cung cấp cho bên B tất cả các chi tiết liên quan đến nhà bán (hồ sơ công trình phụ, hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy, camera quan sát...)

5.3. Bảo quản căn nhà đã bán trong thời gian chưa bàn giao nhà cho bên mua.

5.4. Cam kết căn nhà thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, không bị tranh chấp và không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ pháp lý với bất kỳ bên thứ ba nào khác tại thời điểm mua bán.

5.5. Có quyền không giao nhà nếu bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn đã thỏa thuận.

5.6. Yêu cầu bên B thanh toán tiền mua nhà đúng theo thời gian đã thỏa thuận.

5.7. Các quyền và nghĩa vụ khác của bên bán nhà (ngoài những điều nêu trên) theo qui định tại Bộ luật dân sự và Luật nhà ở.

Điều 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

6.1. Nhận giấy tờ sở hữu nhà và nhận bàn giao nhà đúng hạn và phù hợp với tình trạng được nêu tại hợp đồng mua bán nhà.

6.2. Yêu cầu bên bán hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu nhà theo qui định của pháp luật.

6.3. Trả tiền mua nhà theo đúng thỏa thuận. Nếu chậm thanh toán thì phải chịu trả thêm tiền

lãi như đã thỏa thuận.

6.4. Các quyền và nghĩa vụ khác của bên mua nhà (ngoài những điều nêu trên) theo qui định tại Bộ luật dân sự và luật Nhà ở.

Điều 7 : CÁC THỎA THUẬN KHÁC

Hai bên cùng cam kết :

- Đã kê khai đúng sự thật và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin đã ghi trong hợp đồng này.
- Kể từ ngày ký hợp đồng này, không bên nào được sử dụng bản chính giấy tờ nhà để thực hiện việc thế chấp, bảo lãnh, mua bán, tặng cho, trao đổi, kê khai làm vốn doanh nghiệp hoặc các giao dịch khác dưới bất kỳ hình thức nào cho đến khi hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu.
- Nếu bên A bàn giao nhà chậm thì phải chịu phạt : 1 triệu đồng/ngày – cho mỗi ngày chậm giao.
- Hai bên thống nhất mọi sự liên lạc liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này đều được thực hiện qua email hoặc bằng văn bản có chữ ký của người đại diện của hai bên. Mọi hình thức thông tin liên lạc khác đều không có giá trị - trong trường hợp có tranh chấp.

Điều 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng này. Những tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng này đều sẽ được giải quyết dựa trên sự hợp tác, cùng có lợi. Nếu không tự giải quyết được, hai bên đồng ý sẽ đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan, kể cả chi phí thuê luật sư, cho bên thắng kiện.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được công chứng, được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và lưu một (01) bản tại Phòng Công chứng.

BÊN BÁN NHÀ

BÊN MUA NHÀ

XIII. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____***_____

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THỰC PHẨM

Số: .../201.../HĐMB

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào đơn chào hàng và thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay ngày ... tháng ... năm 201...

Tại địa điểm:, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chúng tôi gồm:

Bên A

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng
- Địa chỉ trụ sở chính:, quận, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: Fax:
- Đại diện là: Ông
- Chức vụ:

Bên B

- Công ty TNHH Nhà hàng
- Địa chỉ trụ sở chính:, Quận, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: Fax:
- Đại diện là: Bà
- Chức vụ:

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

Bên A sẽ cung cấp cho Bên B những hàng hóa và thực phẩm theo yêu cầu của Bên B.

Điều 2: Giá cả

Đơn giá mặt hàng trên được ghi rõ trong bảng kê (nếu có), nếu có thay đổi về giá các bên sẽ tiến hành thông báo cho nhau ngay khi áp giá điều chỉnh mới.

Điều 3: Chất lượng và quy cách hàng hóa

Chất lượng hàng hóa thực phẩm phải đúng theo quy định của nhà nước và thỏa thuận của các bên.

Xem thêm: **Mẫu hợp đồng mua bán gạo nội địa**

Điều 4: Phương thức giao nhận

1. Bên A giao cho bên B 01 lần vào buổi sáng lúc 06h hàng ngày.
2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên A chịu.
3. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).
Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì thì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó.

Điều 5: Bảo đảm chất lượng hàng hóa

Bên bán có trách nhiệm bảo đảm chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng thực phẩm cho bên mua.

Điều 6: Phương thức thanh toán

Bên B thanh toán cho bên A bằng tiền mặt ngay sau mỗi lần giao hàng.

Điều 7: Cam kết của các bên

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 5% giá trị của hợp đồng bị vi phạm (cao nhất là 8%).
2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, v.v... mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

Điều 8: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết (cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).
2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra tòa án.

Điều 9: Các thỏa thuận khác

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật.

Điều 10: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày hai bên chấm dứt hợp đồng.
Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi chấm dứt hiệu lực không quá 10 ngày. Hợp đồng này được làm thành 02 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện bên A	Đại diện bên B
----------------	----------------

IXV. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Số:

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên. Hôm nay, ngày ..., đại diện hai Bên gồm:

BÊN A (Bên mua):

Địa chỉ:

.....

Đại diện:

.....

Mã số thuế:

.....

Điện thoại:

.....

BÊN B (Bên bán):

Địa chỉ:

.....

Đại diện:

.....

Mã số thuế:

.....

Điện thoại:

.....

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý là Nhà cung cấp và bán các Hàng hóa, sản phẩm cho công trình: ... với đơn giá như bảng đính kèm. Trong đó:

Giá được ghi nhận đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Giá trị để Bên A thanh toán cho Bên B là khối lượng thực tế giao nhận tại công trường có biên bản giao nhận được ký xác nhận bởi đại diện của hai Bên nhân với đơn giá (VNĐ/ĐVT) trên.

Điều 2: Yêu cầu về chất lượng và giao nhận hàng hoá.

2.1. Yêu cầu về chất lượng hàng hóa

Sản phẩm mới, đạt chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng của nhà sản xuất và TCVN và đúng theo mẫu mã, phẩm chất đã được chủ đầu tư phê duyệt. Hàng hóa giao nhận phải được đăng ký và công bố hợp quy sản phẩm. Bên B phải cung cấp chứng chỉ nguồn gốc, chứng chỉ chất lượng của lô hàng cho Bên A trong quá trình giao nhận.

2.2. Giao nhận hàng hoá

Khi có nhu cầu Bên A sẽ gửi Đơn đặt hàng cho Bên B bằng văn bản qua Email, scan hoặc fax để hai Bên xác nhận Đơn đặt hàng. Đơn đặt hàng Bên A chuyển sang Bên B phải thể hiện được các nội dung chính sau: Mã hàng hoặc tên hàng, quy cách, số lượng, địa điểm giao hàng (nếu có thay đổi so với Hợp đồng).

Thời gian giao hàng: trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được đơn hàng từ Bên A hoặc thời gian khác do hai Bên thỏa thuận.

Phương thức giao nhận:

Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp hàng xuống chân công trình nhưng không quá 20m kể từ vị

trí đậu xe được, không bốc lên lầu xuống hầm. Hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng, số lượng yêu cầu sẽ là căn cứ để các Bên tiến hành giao nhận hàng và ký biên bản giao nhận hàng.

Khi giao nhận hàng, Bên B có trách nhiệm cử người đại diện ký vào biên bản giao nhận của Bên A. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi Bên giữ 01 bản. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng quy cách, nhãn hiệu, chủng loại đã ghi trong Hợp đồng thì Bên A có quyền trả lại hàng.

Địa điểm giao nhận: Công trình

Người nhận hàng:

.....

Điều 3: Thanh toán:

3.1. Hình thức thanh toán:

Căn cứ theo khối lượng từng đợt hàng mà Bên B giao cho Bên A, kèm biên bản giao nhận hàng có xác nhận của hai Bên, Bên B xuất hoá đơn thì Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị đơn hàng cho Bên B trong vòng 30 ngày.

Mức dư nợ: Bên B đồng ý cho Bên A thanh toán trả chậm với mức dư nợ. (Trong trường hợp số nợ vượt mức trên Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ nợ vượt hạn mức.)

Hồ sơ thanh toán gồm có: Giấy đề nghị thanh toán: 01 bản gốc; Hóa đơn GTGT (VAT); Biên bản giao nhận hàng;

3.2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

3.3. Đồng tiền thanh toán: VND đồng.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ mỗi Bên

4.1. Bên A:

Trao đổi và thông báo kế hoạch nhận hàng cho Bên B (bằng văn bản, điện thoại hoặc fax).

Cử người nhận hàng và tạo điều kiện cho Bên B giao hàng nhanh nhất.

Chuẩn bị mặt bằng để phương tiện, nhân sự của Bên B giao hàng được thuận lợi.

Kiểm tra số lượng, chất lượng hàng trước khi nhận. Từ chối nhận hàng khi Bên B giao hàng kém chất lượng, không đúng chủng loại, mã hàng, số lượng theo yêu cầu hoặc giao hàng không đúng địa điểm và thời hạn được quy định trong Hợp đồng.

Chuẩn bị biên bản giao nhận hàng, cử người đại diện có thẩm quyền ký tên xác nhận vào biên bản giao nhận hàng và đưa cho Bên B biên bản giao nhận hàng.

Khiếu nại và yêu cầu Bên B khắc phục những khiếm khuyết của hàng hóa

Yêu cầu Bên B đổi hàng mới, nhận lại hàng có khuyết tật do lỗi của nhà sản xuất.

Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ, hóa đơn VAT đối với hàng hóa đã nhận.

Chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B theo thỏa thuận tại Điều 3 Hợp đồng.

4.2. Bên B:

Thông tin trung thực về chất lượng sản phẩm, hàng hóa cung cấp.

Giao hàng hóa, hồ sơ chứng từ và hóa đơn VAT cho Bên A đúng theo số lượng giao nhận thực tế, chất lượng, quy cách kỹ thuật, bao bì đóng gói được quy định trong Hợp đồng.

Giao hàng đúng địa điểm và thời hạn đã thỏa thuận.

Chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hóa. Đồng thời phải có trách nhiệm đổi trả hàng hóa cho Bên A trong trường hợp hàng hóa kém chất lượng, không đúng chủng loại, mã hàng, số lượng theo thỏa thuận của hai Bên với điều kiện các nội dung này phải được ghi rõ trong biên bản giao nhận hàng.

Bảo đảm hàng hóa được giao cho Bên A là không bị tranh chấp quyền sở hữu với Bên thứ ba. Sản phẩm phải đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

Cung cấp cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán như Điều 3 của Hợp đồng.

Cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản sao các chứng chỉ chất lượng, hợp chuẩn hợp quy cho Bên A nếu Bên A có yêu cầu.

Điều 5: Phạt vi phạm

Nếu Bên A đã đặt hàng mà Bên B hoặc Bên A vi phạm, không thực hiện đúng theo Hợp đồng thì Bên vi phạm phải chịu phạt Hợp đồng ở mức cao nhất là 8% giá trị của đơn hàng đó và bồi thường thiệt hại thực tế do việc vi phạm Hợp đồng gây ra.

Nếu Bên B giao hàng cho Bên A chậm trễ so với thời gian quy định của Hợp đồng thì sẽ bị phạt 0,1% trên tổng giá trị đợt hàng giao chậm cho mỗi ngày chậm tiến độ nhưng tổng mức phạt không vượt quá 8% giá trị đơn hàng.

Nếu Bên A không thực hiện việc thanh toán theo như Điều 3 ghi trong Hợp đồng thì Bên A phải chịu mức phạt 0.1% trên tổng giá trị chậm thanh toán cho mỗi ngày chậm thanh toán.

Điều 6: Điều khoản chung

Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều ghi trên Hợp đồng này. Nếu một trong hai Bên vi phạm các điều khoản của Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm về các hành vi vi phạm đó. Mọi thay đổi hoặc chỉnh sửa của Hợp đồng này phải được làm bằng văn bản và được sự chấp thuận của cả hai Bên.

Hai Bên cam kết sẽ bảo mật các thông tin được thể hiện theo Hợp đồng này, cả hai Bên sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc tiết lộ thông tin nhằm hạn chế các khiếu nại hoặc tranh chấp không đáng có khi phát sinh tranh chấp từ việc tiết lộ thông tin.

Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên cùng nhau bàn bạc các biện pháp giải quyết trên tinh thần hòa giải, có thiện chí và hợp tác. Nếu vẫn không thống nhất cách giải quyết thì một

trong hai Bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, toàn bộ chi phí xét xử do Bên thua chịu.

Quyết định của Tòa án có giá trị ràng buộc các Bên thi hành. Trong thời gian Tòa án thụ lý và chưa đưa ra phán quyết, các Bên vẫn phải tiếp tục thi hành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng này.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ chính thức hết hiệu lực khi hai Bên đã thực hiện xong các điều khoản ghi trong Hợp đồng và Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

Không Bên nào được đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng do Bên còn lại vi phạm nghiêm trọng một hoặc nhiều điều khoản cơ bản của Hợp đồng mà không hoặc không thể khắc phục trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm.

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, thì hai Bên sẽ cùng thương lượng để tìm ra một giải pháp hợp lý và cho nhau thời gian để khắc phục. Một Bên hoặc cả Hai Bên sẽ không phải chịu trách nhiệm khi Hợp đồng không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện do trường hợp bất khả kháng nếu Bên bị ảnh hưởng đã thông báo cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
----------------	----------------